

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Hoàng Vũ

2. Bà Lê Ng Như Chi

**- Thư ký phiên toà:** Ông Dương Phúc Trường – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 560/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021.

**- Nguyên đơn:** Bà Trương Thanh N, sinh năm 1996

Địa chỉ thường trú: 110 Tầng 2 (lầu 1) đường số 3 chung cư BP, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: ấp LT, xã LT, huyện CG, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Ông Trương Bảo P, sinh năm 1993

Địa chỉ thường trú: 110 Tầng 2 (lầu 1) đường số 3 chung cư BP, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thanh N trình bày: Bà và ông P quen biết nhau qua mạng xã hội từ năm 2015, hai bên tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 147 ngày 19/11/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ tại nhà chồng ở Quận F được khoảng 01 năm thì giữa bà N và bên chồng xảy ra bất hòa về những chuyện sinh hoạt hàng ngày, khi đó bà N có đề nghị với ông P dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng hoặc cùng nhau dọn về nhà cha mẹ ruột của bà N ở nhưng không được ông P đồng ý. Mỗi khi giữa bà N và gia đình bên chồng có mâu thuẫn thì ông P không phân biệt được ai đúng, sai mà ông P luôn đổ lỗi cho bà N dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Đến tháng 10 năm 2020, bà N cùng con chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Bà N nhận thấy tính cách vợ chồng có Nhiều khác biệt, ông P là người không có chính kiến riêng, lập trường không vững vàng, vợ chồng không hòa hợp về mọi mặt, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Trương Bảo P. Bà và ông P có với nhau 01 con chung tên Trương Bảo Ng, sinh ngày 27/5/2019. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên, bà N và ông P tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không có; vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Bảo P xác nhận thời gian chung sống, ly thân do bà N trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng ông P cho rằng do ông kết hôn khi còn trẻ, mỗi khi giữa vợ và gia đình ông xảy ra mâu thuẫn thì ông không có đủ kinh nghiệm, bản lĩnh để giải quyết, từ đó vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau, tình cảm rạn nứt, mặc dù hiện nay bà N đã hết tình cảm và cương quyết xin ly hôn nhưng ông P vẫn còn tình cảm với vợ. Trong thời gian vợ chồng ly thân ông P đã cố gắng rất Nhiều để liên lạc với vợ và gia đình bên vợ để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông P không đồng ý vì ông vẫn còn rất yêu thương vợ, đồng thời rất lo lắng cho tương lai của con khi vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, ông mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Ông P xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trương Bảo Ng, sinh ngày 27/5/2019, trong thời gian ly thân ông P vẫn thường xuyên thăm nom và gửi tiền cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp bà N cương quyết xin ly hôn và được Tòa án chấp nhận thì ông P đồng ý giao con chung tên Trương Bảo Ng cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ông và bà N tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không có; vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là bà Trương Thanh N trình bày: Hiện tại bà không còn tình cảm với ông P nữa, hai bên không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mặc dù trong thời gian ly thân, ông P vẫn về thăm con, có mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng thực tế đó chỉ là những lời nói suông, ông P không có việc làm gì cụ thể để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Trước đây bà cũng đã từng Nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng cho dù ông P có hứa gì đi nữa thì bà cũng không tin và ông P không bao giờ thực hiện. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Bảo Ng cho đến khi thành niên, bà và ông P tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án

giải quyết; về tài sản chung: không có; vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Bảo P trình bày: ông thừa nhận là trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra Nhiều mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nhưng ông vẫn còn thương bà N và mong muốn gia đình đoàn tụ. Nếu bà N đồng ý đoàn tụ thì ông sẽ cùng bà N ra ngoài thuê nhà sống riêng để tránh va chạm trong cuộc sống với người thân trong gia đình. Ông đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của bà N và trong trường hợp chấp nhận cho bà N được ly hôn thì ông cũng đồng ý để bà N tiếp tục nuôi con chung là trẻ Trương Bảo Ng và các bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án theo đại diện Viện Kiểm sát thì căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhận thấy đúng là trong cuộc sống vợ chồng bà N và ông P là có mâu thuẫn tuy Nền những mâu thuẫn trên là chưa trầm trọng và vẫn còn cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn chưa trầm trọng nên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N và vì không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn nên cũng không đặt vấn đề giải quyết về tài sản và con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Trương Thanh N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thanh N đối với bị đơn ông Trương Bảo P có nơi cư trú tại Quận F nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P phát sinh từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Xét vợ chồng bà N, ông P tuy mới kết hôn năm 2018 nhưng qua năm 2019 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh từ mối quan hệ bất hòa giữa bà N và gia đình bên chồng, ông P không phân biệt được ai đúng, sai mà luôn đổ lỗi cho bà N nên làm bà N ức chế cho rằng mình không được bảo vệ lẽ phải nên vợ chồng thường

xuyên gây gỗ, cãi vã làm cho tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà N không muốn tiếp tục chung sống với người chồng không có chính kiến, lập trường không vững vàng, không có khả năng bảo vệ vợ con, hạnh phúc gia đình nên đã tự bỏ ra ngoài sống riêng, vợ chồng đã ly thân và không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai. Mặc dù hai bên đã tự hòa giải hàn gắn tình cảm Nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả.

Xét bản thân ông P cũng thừa nhận do ông kết hôn khi còn trẻ, không đủ bản lĩnh bảo vệ hạnh phúc gia đình, đồng thời trước đây ông cũng là người vô tâm, không dành Nhiều thời gian để quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với vợ nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hiện nay mặc dù ông vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng thực tế vẫn chưa có giải pháp, kế hoạch cụ thể nào để hàn gắn tình cảm với vợ mà ông tin một thời gian nữa bà N sẽ thay đổi suy nghĩ.

Xét căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông P đã phát sinh Nhiều mâu thuẫn, bà N xác định không còn tình cảm với ông P, vợ chồng không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù ông P trình bày vẫn còn yêu thương bà N nhưng tình cảm vợ chồng phải dựa trên nền tảng của sự yêu thương, chia sẻ đến từ hai phía để cùng nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa qua phần trình bày của bà N cũng đã thể hiện bà không còn tình cảm, tin tưởng, yêu thương ông P và mong muốn chấm dứt cuộc hôn nhân để ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì mâu thuẫn vợ chồng của bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Việc ông P tin rằng bà N sẽ thay đổi và quay về sống chung cũng như đại diện Viện Kiểm sát cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bà N ông Phu là chưa đến mức trầm trọng để không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là không có cơ sở nên không được chấp nhận..

[5]. Về con chung: Bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P có với nhau 01 con chung tên Trương Bảo Ng, sinh ngày 27/5/2019. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Xét thấy con chung tên Trương Bảo Ng dưới 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Đồng thời ông P đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Do đó, để cho trẻ Ng được phát triển tốt các mặt Hội đồng xét xử giao trẻ Ng cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và ghi nhận sự tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của bà N và ông P.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thanh N đối với ông Trương Bảo P.

2. Về con chung: Giao trẻ Trương Bảo Ng, sinh ngày 27/5/2019 cho bà Trương Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Trương Bảo P và bà Trương Thanh N tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Bảo P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Trương Thanh N.

Ông Trương Bảo P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Trương Bảo P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trương Thanh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trương Bảo P.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thanh N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010728 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 147 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P ngày 19/11/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Bà Trương Thanh N và ông Trương Bảo P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bình**